TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÁ THƯỚC** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 164/2019/QĐST-HNGĐ	*Bá Thước, ngày 20 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 158/2019/TLST/ HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 giữa :

Nguyên đơn: Chị Hà Thị H ; Sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Thôn K , xã Đ T , huyện B T , tỉnh T H .

Bị đơn: Anh Phạm Anh T ; Sinh năm: 1989

Nơi cư trú: Thôn L H , xã B C , huyện B T , tỉnh T H .

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Hà Thị H và anh Phạm Anh T .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Hà Thị H và anh Phạm Anh T đều tự nguyện thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Hà Thị H và anh Phạm Anh T có 01 con chung là cháu Phạm Quang T , sinh ngày 27/7/2017. Chị Hà Thị Huyền và anh Phạm Anh T tự nguyện thỏa thuận khi ly hôn chị H là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Quang T cho đến khi thành niên, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Phạm Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản: Chị Hà Thị H và anh Phạm Anh T thống nhất thỏa thuận trước khi hòa giải: Tài sản chung của vợ chồng là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), anh T quản lý sử dụng. Anh T có trách nhiệm giao cho chị H 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), thời hạn giao ngày 30 tháng 8 năm 2021.

Nợ chung: Chị Hà Thị H và anh Phạm Anh T khai không có nợ chung.

- Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ điều 357 BLDS. Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468BLDS.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Hà Thị H và anh Phạm Anh T tự nguyện thỏa thuận: Chị Hà Thị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị đã nộp 300.000đ, hoàn trả lại cho chị H 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn) theo biên lai thu số: AA/2018/0005187 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án đước thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND;
- Chi cục THA;
- UBND xã Ban Công ;
- Lưu Hs.

THẨM PHÁN

Trần Thị Quyên